TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** **TỈNH AG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:241/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 09 – 5– 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH CP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng V

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị D – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 958, tổ 24, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện CP, tỉnh CP (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 958, tổ 24, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện CP, tỉnh CP (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn bà P trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông D chung sống với nhau năm 1991 cho đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian ban đầu chung sống không

hạnh phúc, nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn do ông D không lo làm ăn, rượu chè suốt ngày, thường cãi nhau, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Nỉ, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn D được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Do bà P và ông D không có đăng ký kết hôn nên theo quy định pháp luật không công nhận vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà P và ông D có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Nỉ, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định tự nuôi sống bản thân nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do ông D cư trú tại xã Mỹ Phú, huyện CP, tỉnh CP, nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015. Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông D chung sống với nhau từ năm 1991, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định.

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà P và ông D là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà P và ông D có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Nỉ, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định tự nuôi sống bản thân nên không xem xét Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Diễm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng

2. Về quan hệ con chung: Bà P và ông D có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Nỉ, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định tự nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005142 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh CP; (1)
- VKSND huyện CP; (1)
- CCTHADS huyện CP; (1)
- Đương sự; (2)
- UBND Mỹ Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng V